

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 30 – 11 - 2018
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Xuân Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Bình
2. Ông Lê Văn Mỹ

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đặng Quang Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐ9ST-HNGĐ ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Hồng Nhật B, sinh năm: 1986;
Nơi cư trú: Tổ 14, Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm: 1985;
Nơi cư trú: Tổ 14, Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
(Anh B có mặt, chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Hồng Nhật B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số

150, ngày 19/10/2015. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xung đột nhau, dẫn đến anh chị sống ly thân nhau cho đến nay. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Nay anh thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị Hằng N.

- Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Hằng N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị N đã có mâu thuẫn trầm trọng, anh B không còn tình cảm với chị N. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh B. Về quan hệ con chung: Không có; Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết. Án phí anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phan Hồng Nhật B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Ly hôn, về con chung: Không có. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Nguyễn Thị Hằng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phan Hồng Nhật B có đơn khởi kiện về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Hằng N, nơi cư trú: Tổ 14, Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Về quan hệ con chung: Không có. Tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Phan Hồng Nhật B là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hằng N là bị đơn; quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Anh Phan Hồng Nhật B và chị Nguyễn Thị Hằng N kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01/2015 ngày 19/10/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh B, quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tình tính, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Còn đối với chị N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị P là cha mẹ ruột của chị N: Việc anh B và chị N có mâu thuẫn gì không thì ông bà không biết. Tuy nhiên, trong cuộc sống thấy anh B nhiều lần đi chơi về khuya hoặc suốt đêm không về nhà, có biểu hiện ăn chơi, ngoại tình. Chính vì vậy nên vợ chồng anh B chị N không tránh khỏi xung đột. Ông bà và gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo nhưng không được. Nay anh B xin ly hôn với chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Theo lời khai của ông Phan Nhị Tấn P, bà Nguyễn Thị L là cha mẹ ruột của anh B: Anh B và chị N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh B, chị N chung sống bình thường được khoảng 1 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B làm công ty theo ca nên giờ giấc không ổn định, ngoài ra còn phải giao lưu, quan hệ với bạn bè nên chị N ghen tuông. Còn chị N cũng làm việc có lúc tăng ca, giao lưu bạn bè, giờ giấc thất thường nhưng anh B không thích nên vợ chồng có sự xung đột, cãi vã nhau. Giữa anh B và chị N còn bất đồng về việc anh B theo hay không theo đạo của chị N đang theo. Mặt khác, anh B và chị N kết hôn đã lâu nhưng không có con, chị N có đi khám nhưng không công khai giấy tờ khám bệnh từ đó làm cho anh B nghi ngờ dẫn đến quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị N không hạnh phúc nên chị N thường bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện Trảng Bom sống. Anh B thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên làm đơn xin ly hôn.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã V, huyện C thì quá trình vợ chồng anh B, chị N chung sống có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhau, không có sự lắng nghe, chia sẻ với nhau, tình trạng này đã kéo dài nhưng không được khắc phục. Mâu thuẫn của anh B, chị N chưa được chính quyền địa phương hòa giải do đương sự không yêu cầu.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hai bên đương sự nhiều lần để hòa giải hàn gắn, đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh B vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn chị N vắng mặt nên không hòa giải được, thể hiện chị N không có trách nhiệm với gia đình và bỏ mặc cuộc hôn nhân này.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị N là có thật và đã trầm trọng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh B là có cơ sở nên chấp nhận. Anh Phan Hồng Nhật B được ly hôn chị Nguyễn Thị Hằng N.

- Về quan hệ con chung: Theo lời khai của anh B và kết quả xác minh là không có, nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Phan Hồng Nhật B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 004805 ngày 04/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 54, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hồng Nhật B được ly hôn chị Nguyễn Thị Hằng N.

[2]. Về quan hệ con chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phan Hồng Nhật B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 004805 ngày 04/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Hồng Nhật B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị Hằng N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu (01);
- Đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn